

# MỘT SỐ GỢI Ý VỀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC NHẪM THÚC ĐẨY DOANH NGHIỆP VIỆT NAM ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP RA NƯỚC NGOÀI ĐẾN NĂM 2020

Vũ Thị Minh Ngọc\*

## Tóm tắt

Hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài (OFDI) của các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay có xu hướng tăng lên cả về loại hình doanh nghiệp, số dự án, quy mô đầu tư và mở rộng lĩnh vực đầu tư. Song, cho đến nay, có thể nói, hiệu quả hoạt động OFDI của các doanh nghiệp Việt Nam chưa cao, chưa kể đến còn khá nhiều doanh nghiệp dừng hoạt động, nhưng không thực hiện các nghĩa vụ báo cáo với các cơ quan quản lý của nhà nước. Chính điều này dẫn tới quan điểm thắt chặt hoạt động OFDI của một số nhà quản lý. Thực tế trong thời gian vừa qua cũng có những thời điểm hoạt động OFDI không hề được khuyến khích từ phía các cơ quan quản lý về đầu tư. Mặc dù vậy, OFDI vẫn là một xu hướng không thể kìm hãm trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Chính vì vậy mà các hoạt động quản lý cũng cần phải linh hoạt để trợ giúp các DNVN tiếp cận với sân chơi quốc tế, nâng cao năng lực cạnh tranh, bên cạnh đó vẫn đảm bảo quản lý hiệu quả hoạt động OFDI, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững nền kinh tế trong nước. Chính vì vậy, các giải pháp quản lý của Chính phủ Việt Nam cần thực hiện đồng bộ và có hiệu quả từ việc ban hành chính sách và thực thi chính sách.

**Từ khóa:** Chính sách đầu tư; Đầu tư ra nước ngoài; Doanh nghiệp Việt Nam.

Mã số: 100.080514. Ngày nhận bài: 08/05/2014. Ngày hoàn thành biên tập: 16/03/2015. Ngày duyệt đăng: 21/03/2015.

## 1. Tổng quan về hoạt động OFDI của DNVN

Tính đến hết tháng 12/2014, đã có 930 dự án OFDI được cấp phép sang 67 quốc gia và vùng lãnh thổ với tổng số vốn đăng ký là gần 19,8 tỷ USD. Các dự án vẫn tập trung vào những lĩnh vực được cho là thế mạnh của Việt Nam như: khai khoáng (trong đó có thăm dò và khai thác dầu khí), trồng cây công nghiệp, sản xuất điện, viễn thông. Các hoạt động dịch vụ khác mặc dù chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng vốn đầu tư ra nước ngoài của VN (với 17,43%), song cũng đang có xu hướng ngày càng gia tăng như



\* ThS, Đại học Kinh tế Quốc dân, Email: ngoctmvt@gmail.com.

tài chính ngân hàng, kinh doanh bất động sản, thương mại, xây dựng, y tế, vận tải.

Về thị trường đầu tư, trong số 67 quốc gia và vùng lãnh thổ tiếp nhận vốn OFDI của Việt Nam, Lào vẫn là thị trường hấp dẫn nhất đối với các doanh nghiệp Việt Nam (với 24,89% tổng vốn đăng ký), tiếp đó là các thị trường như Campuchia (chiếm 18%), Liên Bang Nga (chiếm 12%), Venezuela (9,5%), Peru (7%).

Trong năm 2014 ghi nhận 12,5% dự án đầu tư ra nước ngoài được cấp phép là của nhà đầu tư cá nhân, 76% dự án của các công ty tư nhân. Điều này cho xu thế đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp khối tư nhân ngày càng tăng.

Mặc dù các hoạt động OFDI của DNVN vẫn tiếp tục gia tăng, song về hiệu quả của các hoạt động này lại chưa cao. Đến hết năm 2014, tỷ lệ vốn thực hiện mới đạt khoảng 30,6% (tương đương với 6 tỷ USD). Hiện nay, Bộ KH&ĐT mới ghi nhận có khoảng 675 triệu USD lợi nhuận được chuyển về nước, chủ yếu là trong lĩnh vực viễn thông và dầu khí. Sang năm 2015, một số dự án trong các lĩnh vực như thủy điện, ngân hàng, trồng cây cao su... đang hy vọng đem lại lợi nhuận cho các nhà đầu tư Việt Nam. Bên cạnh đó, có khá nhiều dự án (trong đó có nhiều dự án sử dụng vốn đầu tư của nhà nước) bị đình trệ, thậm chí ngừng hoạt động, song chưa có báo cáo với các cơ quan quản lý nhà nước, dẫn đến hiệu quả của hoạt động OFDI chưa cao, làm lãng phí vốn đầu tư của xã hội. Một số dự án đầu tư ở nước ngoài vấp phải sự phản đối của cộng đồng dân cư nơi tiếp nhận đầu tư, dẫn tới ảnh hưởng đến uy tín và hình ảnh của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường nước ngoài. Vấn đề về quản lý nhà nước trở nên cấp thiết để đảm bảo phát triển ổn định nền kinh tế trong nước, đồng thời nâng cao hình ảnh của Việt Nam trên trường quốc tế.

## 2. Thực trạng quản lý nhà nước đối với hoạt động OFDI

Hiện nay, quản lý nhà nước đối với hoạt động OFDI vẫn chủ yếu dựa trên cơ sở Luật đầu tư chung và một số văn bản dưới luật khác. Sau 15 năm, kể từ năm 1999 (năm ban hành Nghị định 22 – văn bản pháp lý đầu tiên quy định về OFDI), hệ thống chính sách pháp luật của Việt Nam về đầu tư ra nước ngoài đang dần được hoàn thiện hơn. Bên cạnh các quy định trực tiếp điều chỉnh hoạt động OFDI của các DNVN, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động này cũng được ban hành, bao gồm các quy định về quản lý ngoại hối; về thuế áp dụng cho hàng hóa, thiết bị xuất nhập khẩu theo dự án OFDI; về tài chính – tín dụng; về xúc tiến đầu tư...

### 2.1. Các kết quả đạt được:

*Về ban hành chính sách:*

Về chủ trương, thông qua Đề án “Thúc đẩy đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài” được Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng phê duyệt tại Quyết định 236/QĐ - TTg ngày 20/2/2009, Chính phủ Việt Nam đã thể hiện quan điểm khuyến khích hoạt động đầu tư ra nước ngoài, thông qua đó, giúp doanh nghiệp Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi sản xuất và kinh doanh toàn cầu, nâng cao năng lực cạnh tranh và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Hệ thống văn bản quy định tương đối đồng bộ, tương trợ cho nhau trong việc quản lý hoạt động OFDI. Không chỉ trong các văn bản điều chỉnh trực tiếp lĩnh vực OFDI, mà trong các lĩnh vực có liên quan như chuyển giao công nghệ, hợp tác công nghệ, xuất khẩu lao động, Chính phủ cũng đã có một số lưu ý đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài. Bên cạnh đó, nhiều văn bản cập nhật với sự thay đổi chung của tình hình thực tế kinh doanh và quản lý, phần nào đáp ứng kịp thời công tác quản lý, làm

cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước và các doanh nghiệp thực hiện..

Nhiều chính sách hỗ trợ hoạt động OFDI trong các lĩnh vực như quản lý ngoại hối, thuế, tín dụng, thủ tục xuất nhập khẩu đã được các Bộ quản lý chuyên ngành ban hành, nhằm thể hiện quan điểm thúc đẩy OFDI của Chính phủ. Có thể kể đến các quy định như: cho phép mở rộng lĩnh vực đầu tư; nới lỏng điều kiện chuyển ngoại tệ ra nước ngoài nhằm thực hiện các dự án đầu tư; tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư Việt Nam được vay vốn tín dụng ưu đãi trong một số lĩnh vực và địa bàn đầu tư nhất định; Miễn thuế đối với hoạt động xuất khẩu hàng hóa nhằm tạo tài sản cố định cho các dự án đầu tư ở nước ngoài; thực hiện xúc tiến đầu tư dưới nhiều hình thức như: cung cấp thông tin về các dự án kêu gọi đầu tư ở nước ngoài trên các website chính thức của các cơ quan quản lý, cho phép thành lập các Hiệp hội các nhà đầu tư Việt Nam tại nước ngoài (hiện nay mới chỉ có 3 Hiệp hội tại Lào, Campuchia và Myanmar). Ngoài ra, trong các chính sách về lao động, về khoa học công nghệ, Chính phủ cũng đã ban hành một số các quy định có tác động khuyến khích

#### *Về thực thi chính sách:*

Quy trình thủ tục đầu tư ra nước ngoài đã được ban hành, làm cơ sở pháp lý quan trọng cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện hoạt động quản lý. Bộ KH&ĐT là cơ quan chịu trách nhiệm chính về việc cấp GCNĐT, thẩm tra hoạt động của các DA ĐT sau khi được cấp GCNĐT. Hàng năm, Bộ KH&ĐT thường có thông báo yêu cầu các DN báo cáo về hoạt động của DA tại nước ngoài. Chế độ báo cáo được quy định là 6 tháng một lần, hoặc bất cứ khi nào có sự thay đổi trong mục tiêu hoạt động của DA. Bộ cũng tổ chức các đợt thẩm tra bất kỳ đối với hoạt động của DN VN ở nước ngoài.

Liên quan đến công tác xúc tiến đầu tư, Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) là những đơn vị tích cực trong việc cập nhật thông tin về tình hình đầu tư của các doanh nghiệp Việt Nam trên các thị trường, đồng thời đưa ra các khuyến cáo về môi trường đầu tư, sự thay đổi về chính sách đầu tư, tiềm năng và cơ hội đầu tư trong một số ngành, lĩnh vực cụ thể tại các nước bạn. Bên cạnh đó, được sự chấp thuận của Chính phủ Việt Nam, các Hiệp hội các nhà đầu tư Việt Nam đã được thành lập như AVIM, AVIC, AVIL. Các Hiệp hội này là những cầu nối giữa doanh nghiệp và Chính phủ Việt Nam với thị trường nước ngoài, đặc biệt là các nước ASEAN. Thông qua sự phản hồi từ các Hiệp hội, chính phủ có thể điều chỉnh những quy định đối với hoạt động OFDI, nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả và an toàn trên đất bạn.

Từ các quy định mang tính cởi trói trong lĩnh vực OFDI, ngày càng có nhiều DNVN, trong nhiều lĩnh vực nhạy cảm như: ngân hàng, tài chính, bảo hiểm, viễn thông... đã thực hiện đầu tư ra nước ngoài. Việc cho phép các dự án trong lĩnh vực dịch vụ nói trên được thực hiện đầu tư ra nước ngoài sẽ góp phần tạo ra chuỗi giá trị trong hoạt động OFDI của các DNVN. Bên cạnh việc làm gia tăng OFDI của bản thân các DN trong lĩnh vực dịch vụ, các chính sách quản lý của Nhà nước còn tạo ra một sự tương hỗ giữa DN dịch vụ với các DN trong lĩnh vực khác, giúp cộng đồng các nhà đầu tư VN ở nước ngoài có thể an tâm khi tiến hành đầu tư. Từ đó, thúc đẩy hoạt động OFDI, nâng cao uy tín, thương hiệu, khả năng cạnh tranh của các DNVN trên trường quốc tế. Nhiều DN của VN đã khẳng định được tên tuổi của mình trên thị trường thế giới, cũng chủ động được các nguồn lực sản xuất, nâng cao

năng lực sản xuất và có điều kiện tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Có thể kể đến nhiều DN như: Vinamilk, Viettel, Tập đoàn dầu khí Việt Nam, Hoàng Anh Gia Lai....

## 2.2. Hạn chế tồn tại

Mặc dù có nhiều ưu điểm, song công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động OFDI còn gặp khá nhiều khó khăn, dẫn tới hiệu quả trong quản lý còn thấp. Trong công tác ban hành và thực thi các chính sách về quản lý nhà nước đều gặp nhiều vấn đề cần giải quyết và khắc phục.

### ❖ Về ban hành chính sách:

Hệ thống văn bản của nhà nước về OFDI còn chưa đầy đủ, hướng dẫn thực hiện còn chung chung, gây khó khăn trong công tác quản lý nhà nước và cho hoạt động của DN. Hiện nay, Nhà nước mới chỉ ban hành hướng dẫn cụ thể trong lĩnh vực dầu khí, chưa có hướng dẫn chi tiết với các ngành khuyến khích đầu tư ra nước ngoài khác như khoáng sản, viễn thông, cao su, thủy điện.. Chính vì vậy mà việc thực hiện các dự án này trên thực tế vẫn còn nhiều lúng túng trong quá trình triển khai.

✓ Chính sách hỗ trợ chưa nhiều, chưa đảm bảo quyền lợi cũng như khuyến khích các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, doanh nghiệp vừa và nhỏ. Hầu như các chính sách hỗ trợ về tín dụng, về thuế chỉ áp dụng với các doanh nghiệp Nhà nước, hoặc các doanh nghiệp có sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước, và tại một số địa bàn nhất định như khu vực Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia; các doanh nghiệp ngoài quốc doanh chưa tiếp cận được tới các hỗ trợ này của nhà nước. Bên cạnh đó, các khoản vay ưu đãi cũng đòi hỏi một số điều kiện nhất định, nên các doanh nghiệp cũng khó khăn trong quá trình xin giải ngân được các khoản vay hỗ trợ.

✓ Công tác hỗ trợ từ các đại diện thương vụ ở nước ngoài cũng chưa đáp ứng được yêu cầu của các nhà đầu tư Việt Nam. Một số đại diện thương vụ chưa thực sự nắm rõ số lượng các nhà đầu tư Việt Nam tại các nước sở tại, không nắm rõ các khó khăn mà các nhà đầu tư gặp phải nên chưa thể trợ giúp các doanh nghiệp giải quyết các vấn đề khúc mắc về vấn đề pháp lý, cũng như thay mặt các nhà đầu tư kiến nghị lên cơ quan quản lý nước sở tại để có những điều chỉnh hợp lý về chính sách.

✓ Việc hỗ trợ thông tin nhằm xúc tiến đầu tư cũng mới chỉ dừng lại ở việc đưa tin tại một số website của các Bộ chuyên ngành, hoặc của các tổ chức như VCCI. Tuy nhiên, các thông tin này cũng chỉ chung chung, chưa thực sự có nhiều thông tin phân tích, đánh giá, định hướng chuyên sâu về các cơ hội đầu tư tại từng nước, cũng như các thách thức mà nhà đầu tư cần lưu tâm khi thực hiện đầu tư tại các quốc gia này. Nguồn tin từ các cơ quan ngoại giao, đại diện thương vụ ở nước ngoài còn hạn chế do sự phối hợp thông tin chưa tốt ở các bộ, ngành liên quan. Có nguyên nhân này là do chưa thực sự có một đầu mối thông tin, chuyên trách về xúc tiến đầu tư ra nước ngoài. Mới đây nhất, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 03/2014/QĐ-TTG về Quy chế quản lý nhà nước đối với hoạt động xúc tiến đầu tư, tuy nhiên các quy định này đa số hỗ trợ cho công tác thu hút vốn FDI từ nước ngoài vào VN, chưa có quy chế cho hoạt động xúc tiến ra nước ngoài. Cần thiết phải ban hành một văn bản điều chỉnh trong lĩnh vực xúc tiến OFDI để tạo ra cơ chế hỗ trợ tốt nhất cho các DN.

✓ Quy trình thủ tục giai đoạn tiền đầu tư còn rườm rà, gây mất nhiều thời gian cho nhà đầu tư

- Một số quy định về điều kiện và thủ tục cấp giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài mặc dù



đã được cải tiến nhưng một số nội dung chưa được hướng dẫn chi tiết nên việc lập hồ sơ của doanh nghiệp trong một số trường hợp bị kéo dài làm cho thủ tục xem xét, cấp Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài mất nhiều thời gian do phải chờ nhà đầu tư giải trình, bổ sung hồ sơ, có thể gây mất cơ hội đầu tư cho doanh nghiệp.

- Một số vấn đề mới phát sinh trong quá trình thực hiện các hoạt động đầu tư ra nước ngoài chưa được pháp lý hóa, bảo đảm quyền lợi tốt hơn cho Việt Nam. Ví dụ như cơ chế đầu tư thông qua hình thức cho vay cổ đông, nên việc triển khai thực hiện còn lúng túng, thường phải xin phép chủ trương của Chính phủ cho áp dụng đối với từng trường hợp cụ thể.

- Việc chuyển tiền ra nước ngoài cũng gặp khó khăn từ cơ chế quản lý ngoại hối khá chặt chẽ của Ngân hàng Nhà nước. Theo quy định, nhà đầu tư phải thực hiện đăng ký tiền độ chuyển tiền ra nước ngoài để NHNN kiểm soát. Việc vay vốn bằng ngoại tệ của các tổ chức tín dụng thì chỉ được thực hiện đối với các dự án, công trình trọng điểm quốc gia đã được Chính phủ quyết định cấp GCNĐT ra nước ngoài. Còn các dự án khác phải tự thu xếp vốn vay tại các ngân hàng thương mại nước ngoài thay vì chuyển toàn bộ vốn từ Việt Nam ra để đầu tư ra nước ngoài.

✓ Quy định về hậu kiểm:

Một số quy định tương đối chặt chẽ, có thể gây phiền hà cho DN, như quy định chuyển lợi nhuận về nước: “Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày có quyền toán thuế hoặc văn bản có giá trị pháp lý tương đương theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư, NĐT phải chuyển toàn bộ lợi nhuận và các khoản thu nhập khác từ dự án đầu tư về VN”. Trong ngắn hạn, các hoạt động đầu tư của DN có thể chưa có lãi ngay. Trong trường hợp có lãi, nếu DN muốn chuyển các khoản lợi nhuận này sang tái đầu tư

dự án thì lại phải làm thủ tục đăng ký bổ sung GCNĐT hoặc xin cấp mới GCNĐT. Có quy định này là do các cơ quan quản lý nhà nước lo ngại về việc các DN sẽ trốn thuế hoặc đầu tư bất hợp lý, hoặc làm thất thoát vốn, gây khó khăn trong công tác kiểm soát của Nhà nước. Tuy nhiên, thiết nghĩ việc này có thể không cần thiết, bởi hầu hết các giao dịch về vốn ngoại tệ của DN đều phải thực hiện trên một tài khoản đã đăng ký tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Nhà nước có thể thông qua tài khoản để kiểm tra các hoạt động của DN mà không cần phải yêu cầu họ phải chuyển vốn về nước, rồi lại chuyển vốn ra nước ngoài. Việc tái đầu tư có thể được đơn giản hóa bằng cách cho phép DN thông báo với Ngân hàng nơi mở tài khoản. Bên cạnh đó, các quy định của Nhà nước cũng chưa đề cập đến việc lợi nhuận của DN nếu sử dụng để trả lãi vay vốn tại nước ngoài thì cần thực hiện thủ tục như thế nào?

#### ❖ Về thực thi chính sách:

✓ Năng lực quản lý của một số Bộ, ngành, địa phương chưa cao do hạn chế về nhân lực và trình độ của cán bộ. Hầu hết các bộ ngành đều chưa có cán bộ chuyên trách về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài, phần lớn là cán bộ kiêm nhiệm, dẫn tới việc giám sát và quản lý hoạt động của các DN OFDI chưa chặt chẽ.

✓ Mặc dù theo quy định, các bộ ngành sẽ chịu trách nhiệm quản lý trong phạm vi chức năng của mình, song trên thực tế, phân chia trách nhiệm giữa các cơ quan quản lý chưa rõ ràng dẫn tới sự quản lý chồng chéo không hiệu quả đối với hoạt động OFDI. Trong nhiều thời kỳ, Bộ KH&ĐT tỏ ra lấn sân trong lĩnh vực quản lý ngoại hối khi yêu cầu thắt chặt các thủ tục chuyển tiền hoặc vay, mua ngoại tệ để đầu tư, qua đó thắt chặt hoạt động ĐTRNN. Hoặc khi có vướng mắc với một DAĐT ở nước ngoài, các Bộ, ngành thường đẩy quả bóng trách nhiệm sang cho nhau. Bộ KH&ĐT viện

lý do đây là địa bàn ở nước ngoài nên thuộc trách nhiệm của Bộ Ngoại giao. Bộ Ngoại giao lại cho rằng đây là thuộc lĩnh vực Đầu tư nên việc giải quyết chính vẫn là trách nhiệm của Bộ KH&ĐT.

Với một dự án OFDI, bên cạnh việc chịu sự quản lý chính từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, nhà đầu tư còn phải chịu sự quản lý của Ngân hàng Nhà nước (khi thực hiện vay, mua hoặc chuyển ngoại tệ ra nước ngoài), Bộ Tài chính (trong lĩnh vực khai, nộp các loại thuế liên quan), Bộ Công thương (trong việc xuất nhập khẩu hàng hóa, thiết bị nhằm phục vụ hoạt động của dự án), Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố (nhằm mục đích quản lý hành chính tại địa bàn nơi nhà đầu tư có trụ sở kinh doanh chính), và các Bộ Ngoại giao, Bộ quản lý chuyên ngành. Chính vì chịu sự quản lý của nhiều bộ, ngành, nên dẫn tới có sự chồng chéo khi quản lý, dẫn tới nhà đầu tư Việt Nam chưa thực sự được khuyến khích khi đầu tư ra nước ngoài. Trong nhiều trường hợp, dự án đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp phép, nhưng nhà đầu tư chưa thể triển khai dự án ở nước ngoài, do tiền đầu tư vẫn chưa được Ngân hàng Nhà nước cho phép chuyển ra nước ngoài để góp vốn.

✓ Sự gắn kết giữa các cơ quan quản lý nhà nước về OFDI còn lỏng lẻo khiến cho DN gặp khó khăn cả trong giai đoạn tiền đầu tư và giai đoạn triển khai dự án. Thực tế các công đoạn sau cấp phép còn kéo dài do vướng mắc từ các khâu thực hiện, đặc biệt trong công đoạn xin chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài. Với một số dự án đầu tư trong các lĩnh vực đặc thù như bảo hiểm, ngoài việc xin cấp giấy chứng nhận đầu tư tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các nhà đầu tư trong lĩnh vực này còn phải được sự chấp thuận của Bộ Tài chính. Như vậy, cùng một dự án, nhà đầu tư còn phải chờ nhận được chấp thuận của nhiều cơ quan, cấp thẩm quyền như: Thủ tướng chính

phủ (trong trường hợp quy mô vốn lớn), Bộ KH&ĐT, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước (khi chuyển vốn ra nước ngoài). Thời gian để được nhận Giấy chứng nhận đầu tư do đó cũng bị kéo dài hơn.

✓ Công tác hậu kiểm còn lúng túng, gây khó khăn cho DN OFDI cũng như cho công tác quản lý do các cơ quan quản lý chưa thực sự sâu sát với DN, đồng thời thiếu sự hợp tác, hỗ trợ về thông tin từ phía DN.

- Chế độ báo cáo phức tạp, chồng chéo: Nhà đầu tư VN khi thực hiện OFDI phải thực hiện chế độ báo cáo 6 tháng một lần đối với Bộ KH&ĐT, NHNN. Đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực bảo hiểm, các nhà đầu tư còn phải thực hiện chế độ xin chấp thuận từ Bộ Tài chính và phải thực hiện báo cáo với Bộ này trong quá trình thực hiện. Có quá nhiều báo cáo, với nhiều cơ quan có thể khiến doanh nghiệp cảm thấy phiền hà, trong khi các DN trong nước chỉ cần thực hiện một lần, với một cơ quan nếu như đầu tư kinh doanh tại Việt Nam.

- Một số văn bản quy phạm pháp luật chưa quy định rõ về trách nhiệm của các cơ quan có liên quan cũng như nhà đầu tư trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về đầu tư ra nước ngoài; đồng thời chưa có đầy đủ chế tài hoặc có nhưng chưa đủ mạnh để xử lý các hành vi không chấp hành hoặc chấp hành không nghiêm túc các quy định của pháp luật về đầu tư ra nước ngoài. Chính vì vậy mà mặc dù một số doanh nghiệp chậm trễ hoặc không thực hiện chế độ báo cáo số liệu thường kỳ nhưng do chưa có chế tài xử lý cụ thể nên hiện tượng này vẫn xảy ra thường xuyên, khiến các cơ quan quản lý buộc phải sử dụng biện pháp kiểm soát chặt ngay từ khâu cấp phép. Điều này lại ảnh hưởng đến các doanh nghiệp thực hiện nghiêm túc quy định của nhà nước.

- Công tác thống kê báo cáo số liệu chưa được cập nhật đầy đủ, một phần là do công tác quản lý còn chưa sát sao với hoạt động của doanh nghiệp. Điều này dẫn tới tình trạng có nhiều dự án gặp khó khăn mà không được các cơ quan nhà nước trợ giúp kịp thời dẫn tới chậm triển khai trên thực tế, hoặc có dự án ngừng hoạt động nhưng không thông báo, cơ quan quản lý nhà nước cũng không biết doanh nghiệp hiện đang hoạt động ở chỗ nào. Năm 2011, theo thông tin từ Bộ Kế hoạch & Đầu tư, có đến 1/4 số doanh nghiệp OFDI không biết còn hoạt động hay không. Trong Nghị định 78/2006 cũng chưa có quy định thời gian doanh nghiệp phải báo cáo nếu dự án ở nước ngoài buộc phải ngừng hoạt động. Điều này dẫn tới yêu cầu cần phải sửa đổi lại các quy định theo ND 78 cho phù hợp với tình hình thực tế về hoạt động OFDI của DN và hoạt động quản lý OFDI của các cơ quan Nhà nước.

### **3. Gợi ý về giải pháp hoàn thiện công tác quản lý nhà nước nhằm thúc đẩy OFDI**

Các nhóm giải pháp đưa ra cần dựa trên một số quan điểm định hướng như sau:

+ Thứ nhất, hoạt động đầu tư ra nước ngoài phải gắn liền với mục tiêu phát triển nền kinh tế quốc dân.

+ Thứ hai, hoạt động đầu tư ra nước ngoài phải đi theo hướng nâng cao năng lực cạnh tranh của quốc gia, đưa Việt Nam hội nhập thành công vào nền kinh tế thế giới.

+ Thứ ba, OFDI góp phần làm tăng khả năng Việt Nam tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu.

+ Thứ tư, OFDI phải dựa trên cơ sở lợi thế so sánh và điều kiện phát triển trong nước.

+ Thứ năm, OFDI cũng là một kênh thúc đẩy xuất khẩu bền vững.

+ Thứ sáu, OFDI làm tăng tính chủ động của doanh nghiệp, giúp nền kinh tế tránh lệ thuộc vào bên ngoài và tăng trưởng bền vững.

### **3.1. Nhóm giải pháp về ban hành chính sách**

Để thực sự khuyến khích hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài cần có một hệ thống chính sách hoàn chỉnh, đồng bộ, không chỉ trong lĩnh vực đầu tư, mà còn trong các lĩnh vực kinh tế khác có liên quan đến hoạt động OFDI như: tài chính – tiền tệ, xuất nhập khẩu, công nghệ, lao động... Các chính sách quản lý OFDI nằm trong tổng thể hệ thống chính sách quản lý nhà nước đối với nền kinh tế nói chung, vì vậy việc thắt chặt hay nới lỏng OFDI phụ thuộc vào chiến lược phát triển kinh tế và chính sách quản lý kinh tế của Chính phủ trong từng thời kỳ. Các quyết sách về tỷ giá hối đoái, về xuất nhập khẩu, về quản lý ngoại hối, về nghiên cứu và phát triển công nghệ, về đào tạo và xuất khẩu lao động... có ảnh hưởng không nhỏ đến năng lực cạnh tranh quốc tế của các DNVN. Tại các quốc gia phát triển như Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, các DN bản địa được phép tự do chuyển vốn ra nước ngoài để thực hiện đầu tư. Sự tự do hóa trong các chính sách quản lý OFDI tại các quốc gia này có nguyên nhân sâu xa bắt nguồn từ việc nâng cao năng lực sản xuất và năng lực cạnh tranh chung của nền kinh tế thông qua các chính sách điều hành kinh tế vĩ mô. Chẳng hạn, Chính phủ Nhật Bản đã sử dụng chính sách tiền tệ để điều tiết sự dịch chuyển dòng vốn đầu tư ra nước ngoài sao cho đạt hiệu quả nhất.

Như vậy, để hoàn thiện quản lý nhà nước trong lĩnh vực OFDI, không nên chỉ giải quyết ở phần ngọn (các vấn đề tồn tại trong OFDI), mà nên bắt đầu từ việc cải cách và hoàn thiện các chính sách kinh tế vĩ mô nói chung.

Các giải pháp trong nhóm này bao gồm các giải pháp tổng thể về hoàn thiện chính sách kinh tế vĩ mô, các giải pháp về hoàn thiện khung pháp lý đối với hoạt động OFDI và các hoạt động liên quan đến OFDI.

❖ **Hoàn thiện chính sách kinh tế vĩ mô:**

Tiếp tục thực hiện cải cách thể chế, giảm thiểu tham nhũng, đảm bảo một môi trường kinh tế vĩ mô ổn định, phát triển lành mạnh. Các chính sách ổn định kinh tế vĩ mô, đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu mang tính chất bền vững, gia tăng dự trữ ngoại hối quốc gia... chính là cơ sở tài trợ cho các hoạt động OFDI của các DNVN.

- *Về chính sách tài chính – tiền tệ:* Tiếp tục điều chỉnh giá cơ bản, tránh nguy cơ lạm phát cao, áp dụng chính sách lãi suất nội tệ và ngoại tệ thấp, kích thích sản xuất trong nước. Các DN phải ổn định sản xuất trong nước mới có thể thực hiện hiệu quả hoạt động OFDI.

- *Về chính sách tỷ giá và quản lý ngoại hối:* Việc bình ổn tỷ giá là vấn đề cần thiết để tạo điều kiện hỗ trợ cho các DN OFDI. Bên cạnh việc đảm bảo ổn định tỷ giá, Nhà nước cũng nên cân nhắc đến việc sử dụng biện pháp khuyến khích các DNVN sử dụng đồng VND khi đầu tư ra nước ngoài, đặc biệt trong cấp vốn ODA cho Lào và Campuchia. Giải pháp này có thể góp phần làm giảm tình trạng USD hóa như hiện nay, đồng thời làm tăng giá trị và tính chuyển đổi của VND, qua đó thúc đẩy hoạt động OFDI do lợi thế về giá trị vốn đầu tư.

- *Hoàn thiện chính sách xuất nhập khẩu:* Việc cho phép và khuyến khích hoạt động OFDI cũng sẽ góp phần làm tăng hoạt động xuất khẩu các dịch vụ, tăng xuất khẩu lao động và chủ động đảm bảo nguồn cung nguyên vật liệu cho sản xuất trong nước.

- *Hoàn thiện chính sách về công nghệ:* Nhà nước cần đổi mới, xây dựng lại các tiêu chuẩn công nghệ, đảm bảo nâng dần tiêu chuẩn với công nghệ của các nước trong khu vực và trên thế giới, khuyến khích các DN OFDI phải đầu tư thực hiện hoạt động R&D, nâng cao năng lực cạnh tranh khi thực hiện đầu tư trên thị trường nước ngoài.

❖ **Tăng cường năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp:**

Việc tăng cường năng lực cạnh tranh cho các DN OFDI là cần thiết, bởi như vậy mới làm tăng hiệu quả hoạt động OFDI. Để thực hiện mục tiêu này, Nhà nước cần có các cơ chế hỗ trợ (về môi trường pháp lý, môi trường cạnh tranh, về cơ sở hạ tầng) và cơ chế đánh giá hiệu quả hoạt động của các DN. Bên cạnh hỗ trợ, khuyến khích, cũng cần có các chế tài (ví dụ: cắt hoặc giảm hỗ trợ) đối với các DN thực sự hoạt động không có hiệu quả. Điều này vừa tránh lạm chi ngân sách của nhà nước, vừa kích thích được các doanh nghiệp tự mình đổi mới, tăng cường nghiên cứu công nghệ để đảm bảo nâng cao năng lực cạnh tranh của chính DN. Ngoài ra, cũng cần thiết hình thành các TNC hoặc MNC của Việt Nam có đủ năng lực cạnh tranh trên trường quốc tế. Đây sẽ là lực lượng chính thúc đẩy hoạt động OFDI của Việt Nam trong tương lai.

❖ **Hoàn thiện chính sách về lao động:**

Tăng cường hoạt động đào tạo, nâng cao trình độ tay nghề, trình độ quản lý; chính sách tiền lương, chính sách quản lý lao động, quy định cấp giấy phép cho lao động làm việc tại nước ngoài, có chế độ khen thưởng cá nhân người lao động và doanh nghiệp có nhiều đóng góp cho xã hội; ký kết các thỏa thuận trao đổi lao động giữa Việt Nam và nước ngoài nhằm giúp lao động VN tiếp cận được với các công nghệ và kinh nghiệm của nước ngoài

❖ **Hoàn thiện khung pháp lý về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài**

- *Sửa đổi Luật Đầu tư năm 2005, trong đó sửa đổi và quy định cụ thể hơn đối với hoạt động OFDI:* Các quy định về thủ tục đầu tư trực tiếp ra nước ngoài cần thay đổi theo hướng đơn giản hóa các thủ tục, tạo điều kiện cho các DN khi thực hiện các chiến lược OFDI, cũng



như để các cơ quan nhà nước có thể quản lý có hiệu quả hơn hoạt động của các DN

- *Xây dựng chiến lược đầu tư ra nước ngoài:* Để xây dựng Chiến lược OFDI phải dựa trên các cơ sở: (i) Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước trong từng giai đoạn; (ii) Dự báo xu hướng phát triển của hoạt động OFDI trên thế giới; (iii) Năng lực của các doanh nghiệp Việt Nam và lợi thế so sánh của Việt Nam trong từng ngành, lĩnh vực; (iv) Chiến lược đầu tư và danh mục kêu gọi đầu tư tại các quốc gia tiếp nhận đầu tư.

Từ đó, trong Chiến lược phát triển OFDI, Chính phủ cần quy định: (i) Những lĩnh vực đầu tư khuyến khích và hạn chế trong từng thời kỳ (tối thiểu 5 năm); (ii) Lộ trình khuyến khích và dỡ bỏ các hạn chế đối với từng ngành, lĩnh vực; điều kiện dỡ bỏ hạn chế; (iii) Thị trường đầu tư trọng điểm và các lĩnh vực khuyến khích đầu tư tương ứng (iv) Các nhóm hỗ trợ cần thiết đối với hoạt động OFDI.

Dựa trên định hướng chung của Nhà nước, các Bộ, ngành đưa ra các chiến lược phát triển ngành đối với hoạt động OFDI, cung cấp các biện pháp quản lý và hỗ trợ phù hợp cho các doanh nghiệp trong từng thời kỳ nhất định.

- *Xác định thị trường đầu tư và lĩnh vực đầu tư trọng điểm*

Các thị trường mà VN cần tập trung khai thác như: ASEAN, Nga, Hoa Kỳ, Nhật Bản. Đối với thị trường ASEAN, nên coi đây là thị trường đầu tư trọng điểm trong giai đoạn từ nay đến năm 2020. Bởi: (i) Thị trường ASEAN là thị trường gần gũi và có trình độ phát triển kinh tế khá tương đồng với VN; (ii) Danh mục các lĩnh vực khuyến khích đầu tư của các nước ASEAN, đặc biệt là tại các nước Lào, Campuchia, Myanmar, phù hợp với năng lực đầu tư của các DNVN và lợi thế so sánh của VN; (iii) AEC sẽ được thành lập vào năm

2015, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tự do hóa thương mại và đầu tư giữa các nước thành viên.

Việc phân chia lĩnh vực và thị trường sẽ giúp các doanh nghiệp Việt Nam định hướng tốt hơn chiến lược đầu tư của mình; đồng thời giúp nhà nước đưa ra được các chính sách hỗ trợ tốt nhất và phù hợp nhất với các doanh nghiệp trên các khu vực thị trường cụ thể.

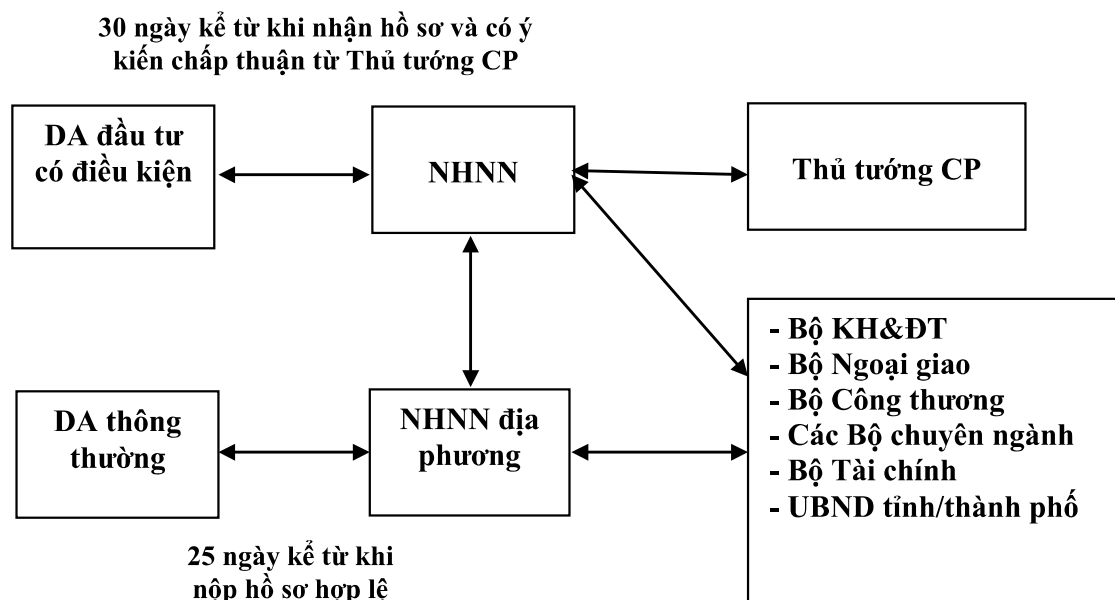
### **3.2. Nhóm giải pháp về thực thi chính sách**

Các giải pháp trong nhóm này sẽ tập trung đi sâu vào các biện pháp cụ thể nhằm thực hiện các hoạt động khuyến khích đầu tư trực tiếp ra nước ngoài, đồng thời đảm bảo hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động này.

#### **❖ Hoàn thiện các thủ tục, quy trình cấp phép đối với hoạt động OFDI**

Tại một số quốc gia trên thế giới như Nhật, Hàn Quốc, Singapore thủ tục cấp phép đối với các hoạt động OFDI bị bãi bỏ, nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp OFDI. Tuy nhiên, ở Việt Nam, do điều kiện về năng lực, trình độ và kinh tế chưa cho phép nên vẫn cần có sự hiện diện của Nhà nước trong các thủ tục này. Song, các quy trình thủ tục này cần được hoàn thiện hơn. Từ kinh nghiệm của các nước như Nhật Bản, Singapore, việc trao quyền quản lý hoạt động OFDI được chuyển giao cho một tổ chức tín dụng (như các ngân hàng và các quỹ hợp tác phát triển kinh tế (Hàn Quốc)) nhằm đảm bảo quản lý hoạt động OFDI tuân theo nguyên tắc thị trường chứ không mang nặng tính quản lý hành chính. Bên cạnh đó, việc thực hiện quản lý OFDI tại các tổ chức tài chính – tín dụng sẽ cho phép gộp các thủ tục chứng nhận đầu tư, quản lý ngoại hối, thống kê báo cáo hoạt động... tại một đầu mối, từ đó làm giảm các thủ tục cũng như thời gian cấp chứng nhận đầu tư.

Trên cơ sở kinh nghiệm quản lý OFDI của các quốc gia kể trên, tác giả mạnh dạn đưa ra mô hình quản lý OFDI mới như sau:



**Hình 1. Quy trình thủ tục cấp chứng nhận đầu tư trực tiếp ra nước ngoài**

➤ *Đổi mới quy trình cấp CNĐT:*

✓ Trao quyền cho Ngân hàng Nhà nước là cơ quan cấp CNĐT thay vì tập trung vào Bộ KH&ĐT như hiện nay.

Bởi lẽ: (i) NHNN vẫn là nơi có thẩm quyền đối với hoạt động chuyên ngoại hối ra nước ngoài của doanh nghiệp, việc chuyển quyền cho NHNN thực hiện cấp phép sẽ cho phép tạo nên cơ chế một cửa trong cấp phép đầu tư. DN sẽ không còn phải gặp tình trạng được cấp phép nhưng chưa được chuyển vốn, gây ảnh hưởng đến tiến độ góp vốn đầu tư và hiệu quả của dự án đầu tư ở nước ngoài. (ii) Các giao dịch chuyển vốn được thể hiện trên tài khoản của nhà đầu tư VN đã đăng ký với NHNN, thuận tiện cho công tác kiểm tra, giám sát, báo cáo thống kê của doanh nghiệp đối với Nhà nước Việt Nam. (iii) Cho phép giảm bớt sự can thiệp hành chính của Nhà nước, chuyển sang hình thức giám sát theo cơ chế thị trường; tăng cường tính chủ động và tự chịu trách nhiệm cho DN, nâng cao hiệu quả đầu tư.

➤ *Thực hiện phân cấp cấp chứng nhận đầu tư:*

**Phân loại dự án:** Thay vì chia thành nhiều lĩnh vực, theo quy mô vốn, thành phần vốn phức tạp như hiện nay thì có thể chỉ cần chia thành hai loại dự án: có điều kiện và các dự án thông thường, qua đó làm cơ sở thực hiện phân cấp cấp giấy phép cho phù hợp, đồng thời làm giảm thời gian và thủ tục cấp chứng nhận đầu tư.

**Các dự án có điều kiện** bao gồm những dự án đầu tư trong các lĩnh vực cần sự kiểm soát chặt chẽ của Nhà nước, để đảm bảo an ninh quốc phòng, an ninh kinh tế, những lĩnh vực có độ nhạy cảm cao như: lĩnh vực điện năng, dầu khí, ngân hàng, tài chính, bảo hiểm, viễn thông, truyền thông, phát thanh, in ấn.

**Các dự án thông thường** bao gồm các dự án còn lại.

Tuy nhiên, đối với các dự án ĐTRNN có sử dụng vốn đầu tư của nhà nước, chủ đầu tư vẫn phải có trách nhiệm tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật về việc sử dụng vốn nhà

nước để đầu tư ra nước ngoài, bảo đảm đầu tư hiệu quả, minh bạch, tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, tránh đầu tư dàn trải, lãng phí, thất thoát vốn của Nhà nước.

+ **Phân cấp cấp CNĐT:**

Ngân hàng Nhà nước trực tiếp cấp phép đầu tư cho các dự án đầu tư có điều kiện; đồng thời thực hiện việc phân cấp cấp giấy phép đầu tư đối với các dự án thông thường cho NHNN tại các tỉnh/thành phố, nơi các chủ đầu tư Việt Nam đặt trụ sở.

Việc phân loại dự án và phân cấp CNĐT sẽ tạo điều kiện cho các DNVN có thể thuận tiện trong việc thực hiện các thủ tục xin cấp phép đầu tư. Ngoài ra, cũng thuận lợi cho việc giám sát, yêu cầu thống kê, báo cáo, kiểm tra đối với các doanh nghiệp của cơ quan quản lý khi cần thiết.

➤ *Thời gian cấp CNĐT:*

Đối với các dự án đầu tư trong các lĩnh vực có điều kiện: NHNN sẽ là cơ quan thực hiện trực tiếp việc thẩm tra hồ sơ và cấp phép cho các nhà đầu tư Việt Nam. Hồ sơ cấp phép cũng chính là hồ sơ để duyệt vay vốn ngoại tệ hoặc cho phép mua ngoại tệ để góp vốn trong các dự án OFDI. Hồ sơ dự án được gửi đến các bộ, ban, ngành để thẩm định các vấn đề liên quan (trong vòng 20 ngày). Sau khi có ý kiến từ các bộ, ban, ngành liên quan, hồ sơ dự án phải trình lên Thủ tướng chính phủ để xin chủ trương về việc cấp phép do tính chất phức tạp của các dự án đầu tư. Tổng thời gian cấp phép là 30 ngày kể từ khi nhà đầu tư nộp hồ sơ hợp lệ, đầy đủ và sau khi có ý kiến chấp thuận từ Thủ tướng Chính phủ.

Đối với các dự án đầu tư thông thường: DN VN chỉ cần nộp hồ sơ tại NHNN tỉnh/thành phố nơi DN có trụ sở kinh doanh chính. NHNN tỉnh/thành phố sau khi tiếp nhận và kiểm tra sơ bộ hồ sơ, sẽ chuyển hồ sơ đến các bộ, ngành

liên quan để xin ý kiến tư vấn. Trong vòng 20 ngày các bộ, ban, ngành sẽ cho ý kiến bằng văn bản. NHNN tỉnh/thành phố trên cơ sở tập hợp các ý kiến sẽ ra quyết định cấp phép đầu tư và thông báo cho nhà đầu tư biết. Tổng thời gian kể từ khi nhà đầu tư nộp hồ sơ hợp lệ, đầy đủ cho đến khi nhận được quyết định cho phép đầu tư là 25 ngày.

Trong trường hợp có những sự việc phát sinh hoặc quy mô dự án quá lớn, tính chất của dự án quá phức tạp thì NHNN tỉnh/thành phố có thể xin ý kiến chỉ đạo từ NHNN và thông báo lại cho chủ đầu tư biết về quyết định cấp phép hay không.

Bên cạnh đó, có thể thực hiện giảm thời gian cấp phép, nếu áp dụng chế độ cấp phép điện tử, cho phép doanh nghiệp kết nối với các cơ quan quản lý nhà nước thông qua hệ thống mạng internet. Điều này vừa làm giảm thời gian đi lại của doanh nghiệp, giảm giấy tờ, đồng thời cũng cho phép lưu giữ các thông số của doanh nghiệp để tiện cho công tác quản lý hậu kiểm của các cơ quan nhà nước.

❖ *Quy định trách nhiệm và quyền hạn của các Bộ, ngành liên quan:*

Trách nhiệm và quyền hạn của các Bộ, ngành liên quan, ngoài các trách nhiệm được quy định theo Luật Đầu tư hiện nay, nên nhấn mạnh thêm phạm vi quyền hạn theo mô hình quản lý mới như đã nêu ở trong hình 1. Trong đó: **Bộ KH&ĐT** sẽ vẫn đóng vai trò là cơ quan quản lý chung với các vấn đề liên quan đến đầu, mặc dù đã chuyển quyền CNĐT cho NHNN. Trách nhiệm của Bộ này là nghiên cứu, soạn thảo và trình Chính phủ về những chủ trương, chính sách đối với đầu tư ra nước ngoài; đồng thời là cơ quan đầu mối hướng dẫn các bên liên quan, như NHNN trong việc xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến thủ tục đầu tư.

Bên cạnh đó, nên quy định thêm các chế tài

đối với các cơ quan chuyên ngành nếu các cơ quan này không thực hiện đúng các chức trách nhiệm vụ của mình gây hậu quả nghiêm trọng.

❖ **Hoàn thiện công tác hậu kiểm sau cấp CNDT:** ,

Do giao cho NHNN là cơ quan đầu mối về việc cấp phép đầu tư nên tất cả các hoạt động về báo cáo tình hình đầu tư tại nước ngoài sẽ được DNVN thông báo về NHNN. Các thông tin về giao dịch sẽ được thể hiện và kiểm tra thông qua tài khoản vốn đăng ký với NHNN. Trên cơ sở báo cáo thống kê của DN, NHNN sẽ có trách nhiệm gửi thông tin đến các bên liên quan. Ngoài ra, hàng năm Bộ KH&ĐT (cơ quan quản lý chung thống nhất về hoạt động đầu tư) sẽ có thể phối hợp với các ban, ngành khác thực hiện kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về hoạt động của các nhà đầu tư VN trên một số địa bàn đầu tư cụ thể ở nước ngoài. Qua đó, rà soát lại hoạt động OFDI, nắm bắt những khó khăn, vướng mắc của các DN, nhà đầu tư để có những định hướng điều chỉnh kịp thời nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, đồng thời quản lý hiệu quả đối với hoạt động OFDI của các DNVN.

Yêu cầu các Tập đoàn, doanh nghiệp kinh doanh trong những lĩnh vực có điều kiện, phải thường xuyên tự rà soát, cân đối kế hoạch đầu tư, chuyển vốn ra nước ngoài, đảm bảo phù hợp với chủ trương của Chính phủ trong việc thực hiện chính sách vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội, và phát triển ổn định nền kinh tế trong nước.

Với những DN cổ tình không thực hiện chế độ báo cáo, Chính phủ cũng nên quy định những chế tài thích hợp để xử lý. Tùy theo mức độ vi phạm mà Nhà nước đưa ra các hình thức xử lý cho phù hợp. Các chế tài nên căn cứ trên cơ sở thị trường đầu tư, năng lực thực hiện của DN để phù hợp với thực tế và đảm bảo tính khả thi. Bên cạnh đó, cũng nên quy

định trường hợp gia hạn thực hiện chế tài để đảm bảo tính linh hoạt trong quá trình thực hiện các chế tài.

**3.3. Thực hiện các chính sách hỗ trợ đầu tư ra nước ngoài**

Nhà nước có thể thực hiện hỗ trợ cho các doanh nghiệp OFDI trên các mảng như:

❖ **Tăng cường hợp tác đầu tư liên Chính phủ giữa Việt Nam và các nước**

Tiếp tục ký kết các điều khoản bổ sung trong các Hiệp định (trong đó có các Hiệp định quan trọng như Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư, Hiệp định tránh đánh thuế hai lần); các thỏa thuận song phương và đa phương đã được ký kết giữa VN và các nước trên thế giới cho phù hợp với tình hình mới, đảm bảo sự phát triển mối quan hệ kinh tế - đầu tư giữa các nước thành viên, tạo điều kiện cho hoạt động đầu tư ra nước ngoài của các DN VN.

Xem xét cấp ODA cho một số quốc gia như Lào, Campuchia, Myanmar và một số nước ở Châu Phi trong phạm vi ngân sách cho phép để gây ảnh hưởng về chính trị, tạo điều kiện thuận lợi cho các DN OFDI VN khi thực hiện đầu tư kinh doanh trên các địa bàn này.

❖ **Xúc tiến đầu tư:**

Chính phủ cần xây dựng một lộ trình cụ thể, riêng biệt cho hoạt động xúc tiến OFDI, thành lập một tổ chức chuyên về xúc tiến đầu tư như kinh nghiệm của các nước Nhật Bản, Singapore đã làm. Bên cạnh đó, Nhà nước nên tiếp tục và tăng cường thực hiện một số biện pháp hỗ trợ về đào tạo và cơ sở vật chất khác kèm theo. Nhấn mạnh vào hoạt động hỗ trợ hoạt động OFDI chứ không chỉ tập trung vào thu hút FDI như hiện nay.

❖ **Về hoạt động tín dụng:**

Có thể áp dụng chính sách tín dụng ưu đãi, đặc biệt là đối với các dự án đầu tư



vào khu vực trọng điểm như các nước Lào, Campuchia, Myanmar. Bãi bỏ quy định bảo đảm tín dụng đầu tư để tăng vốn thực hiện cho doanh nghiệp.

❖ **Về thuế:**

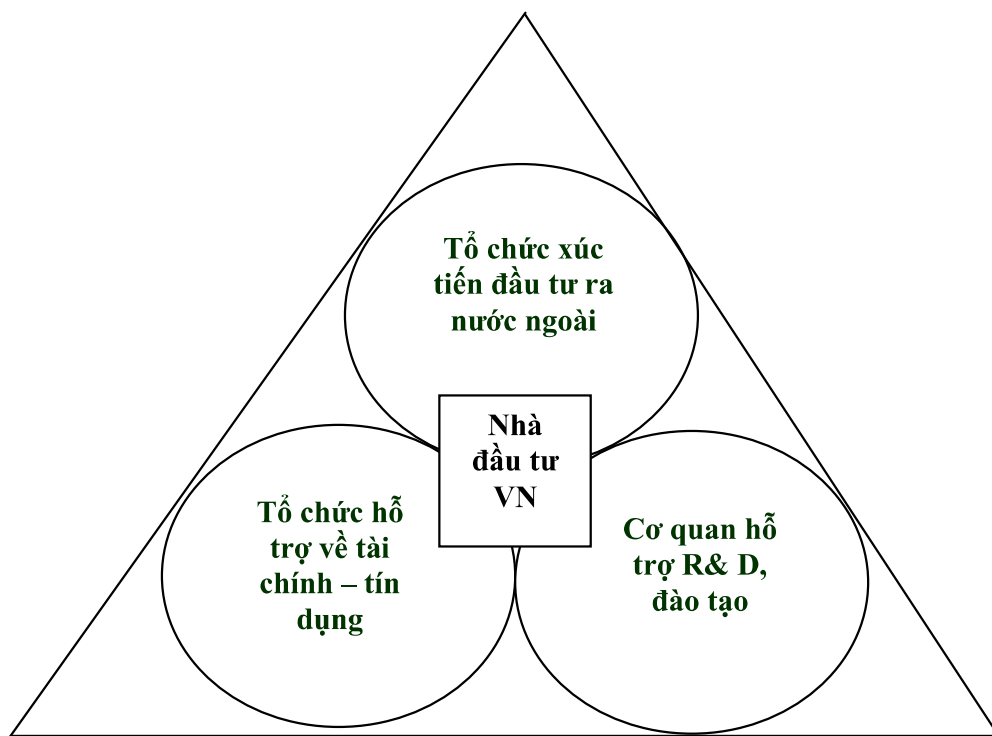
Chính phủ nên cho phép miễn thuế thu nhập với phần lợi nhuận, mà theo quy định hiện nay, bắt buộc phải chuyển về nước. Có thể miễn thuế trong thời gian đầu của dự án OFDI (có thể là 5 năm) đối với phần lợi nhuận chuyển về nước cho các doanh nghiệp, và miễn thuế nhập khẩu đối với một số sản phẩm nhập khẩu từ các dự án đầu tư ở nước ngoài, đặc biệt là các sản phẩm nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất ở trong nước như: dầu khí, gỗ, điện năng. Có như vậy mới khuyến khích các doanh nghiệp tích cực thực hiện hiệu quả hoạt động OFDI. Việc này cũng góp phần làm giảm sự phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu từ các công ty nước ngoài, chủ động về giá đối với các sản phẩm nhập khẩu.

❖ **Bảo hiểm đầu tư:**

Cho phép các doanh nghiệp bảo hiểm của Việt Nam được phép đầu tư ra nước ngoài cũng là một chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với các doanh nghiệp Việt Nam. Công cụ bảo hiểm đầu tư nên được thực hiện một cách rộng rãi hơn.

**3.4. Thành lập các tổ chức chuyên cung cấp các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp**

Các biện pháp hỗ trợ của Nhà nước đối với các doanh nghiệp OFDI tập trung vào ba mảng chính: Hỗ trợ về xúc tiến đầu tư, Hỗ trợ về thuế - tài chính – tín dụng và Hỗ trợ về phát triển năng lực nghiên cứu và phát triển, đào tạo lao động cho các doanh nghiệp. Để thực hiện ba mảng này, Chính phủ có thể giao cho 3 cơ quan đầu mối, chịu trách nhiệm chính để thực hiện. Ba tổ chức này tạo nên tam giác hỗ trợ cho nhà đầu tư trực tiếp ra nước ngoài.



**Hình 2. Tam giác hỗ trợ đầu tư trực tiếp ra nước ngoài**

### ❖ *Tổ chức xúc tiến OFDI:*

Tổ chức này sẽ thực hiện các nhiệm vụ như: **(i)** Điều tra, nghiên cứu thị trường nước tiếp nhận đầu tư, cung cấp các thông tin về thị trường, tổ chức các cuộc tiếp xúc, các hội nghị thị trường, giới thiệu về các cơ hội đầu tư trong các lĩnh vực cụ thể cho các nhà đầu tư; thực hiện tư vấn pháp luật về đầu tư; **(ii)** Làm đầu mối liên hệ với các cơ quan đại diện ngoại giao tại nước tiếp nhận đầu tư để có thể kêu gọi sự hỗ trợ giải quyết khó khăn cho các nhà đầu tư Việt Nam khi cần thiết; **(iii)** Tạo ra kênh liên hệ giữa các doanh nghiệp trong nước và các Hiệp hội doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài; **(iv)** Thúc đẩy thành lập các Hiệp hội nhà đầu tư Việt Nam trên từng khu vực thị trường; **(v)** Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về các doanh nghiệp Việt Nam đang thực hiện đầu tư trực tiếp ra nước ngoài, cung cấp cho các cơ quan quản lý khi cần thiết để phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát và thống kê.

Mặc dù hiện nay có nhiều tổ chức và các cơ quan của nhà nước ít nhiều đều thực hiện công tác xúc tiến đầu tư, song chưa có một cơ quan nào thực sự chịu trách nhiệm về vấn đề này. Vì vậy, việc thành lập một tổ chức chuyên trách là cần thiết. Có thể thành lập một tổ chức mới chuyên về xúc tiến đầu tư, hoặc Chính phủ giao nhiệm vụ này cho một tổ chức đang hoạt động ở Việt Nam, ví dụ như VCCI.

### ❖ *Tổ chức hỗ trợ về tài chính – tín dụng:*

Nhiệm vụ này có thể giao cho NHNN thực hiện, hoặc NH Phát triển Việt Nam bởi đây là đầu mối cấp phép và tiếp nhận thông tin phản hồi từ các doanh nghiệp; đồng thời cũng là nơi cung cấp các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp về thanh toán thuế, tín dụng, các công cụ về đảm bảo, bảo lãnh và bảo hiểm đầu tư.

Tổ chức này sẽ có nhiệm vụ: (i) Cấp tín

dụng cho các nhà đầu tư Việt Nam; (ii) Thực hiện bảo lãnh các khoản tín dụng đầu tư của DN; (iii) Thực hiện bảo hiểm đối với các khoản đầu tư của DN; (iv) Cung cấp dịch vụ thanh quyết toán thuế với cơ quan thuế của Nhà nước; (v) Tạo lập quỹ hỗ trợ cho các dự án OFDI trong một số lĩnh vực nhất định.

### ❖ *Tổ chức hỗ trợ về hoạt động R&D, đào tạo lao động:*

Hiện nay, tại Việt Nam chưa có tổ chức nào thực hiện hoạt động này. Các doanh nghiệp Việt Nam thường tự mình thực hiện các hoạt động cho riêng mình. Song, không phải doanh nghiệp nào cũng đủ kinh nghiệm, kỹ năng và tài chính để thực hiện. Vì vậy, doanh nghiệp có thể đặt hàng hoặc tư vấn từ tổ chức hỗ trợ hoạt động R&D và đào tạo lao động.

Nhiệm vụ của tổ chức này sẽ bao gồm: (i) Tập hợp các nghiên cứu về phát minh, sáng chế cũng như các kinh nghiệm phát triển công nghệ của Việt Nam và thế giới, phổ biến hoặc xúc tiến việc chuyển giao công nghệ giữa tổ chức nắm bản quyền và các DNVN muốn nhận công nghệ chuyên giao; (ii) Trợ giúp các DN trong việc đăng ký các bản quyền phát minh trên lãnh thổ Việt Nam và trên thế giới; (iii) Trợ giúp và liên kết đào tạo lao động theo nhu cầu của doanh nghiệp; (iv) Tư vấn về pháp lý trong lĩnh vực chuyển giao công nghệ.

### 3.5. *Nâng cao năng lực quản lý và tăng cường liên kết giữa các cơ quan quản lý*

#### ❖ *Nâng cao năng lực quản lý:*

Tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực có trình độ quản lý, am hiểu về luật pháp trong nước và quốc tế, có khả năng ngoại ngữ, có kinh nghiệm trong xử lý các tình huống phát sinh. Bên cạnh đó, Nhà nước cũng nên tạo điều kiện trang bị thêm cơ sở vật chất kỹ thuật để hỗ trợ cho công tác quản lý của các

cán bộ trực tiếp làm việc trong bộ phận quản lý OFDI. Các bộ, ngành, địa phương liên quan cũng nên tổ chức một bộ phận chuyên về mảng OFDI và có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo để nâng cao trình độ quản lý, từ đó làm tăng hiệu quả quản lý hoạt động OFDI.

❖ **Tăng cường liên kết giữa các cơ quan quản lý**

Hoạt động này có thể được thực hiện thông qua một số biện pháp như: (i) Tăng cường

phối hợp, trao đổi thông tin trong quá trình tiền cấp phép và quản lý hậu kiểm đối với các dự án OFDI; (ii) Định kỳ hàng năm, tổ chức các hội nghị liên ngành về quản lý hoạt động OFDI để trao đổi và rút kinh nghiệm, từ đó có những điều chỉnh về chính sách cho phù hợp; (iii) Tạo lập cơ sở dữ liệu về DN OFDI và hệ thống truyền dữ liệu giữa các cơ quan quản lý để cập nhật tình hình của DN, tạo điều kiện cho việc quản lý và thống kê tại các Bộ, ngành. □

**Abstract:**

Outward Foreign Direct Investments (OFDI) of Vietnamese enterprises have recently had an increasing tendency in the number of business types and projects, the investment scale and investment field expansion. However, so far, the efficiency of OFDI activities of Vietnamese businesses is quite low in general, that's not mention the fact that there are lots of enterprises which have no longer been in the operation without informing to the authority. As a result, the OFDI activities are taken into a careful consideration. Indeed, there are some times that OFDI activities are not encouraged by the authority practically. Nevertheless, OFDI is still an irresistible trend in the context of international economic integration. Therefore, administrative activities should be flexible in order to assist Vietnamese enterprises' access to international market, enhance the competitive competence, and ensure the effective administration of OFDI activities, aiming at a sustainable development of the domestic economy. Hence, Vietnamese Government should offer the methods to harmoniously and effectively publish and implement the policies.

**Keywords:** Investment policy, Investment abroad, Outward Foreign Direct investments; Vietnam Business.

**Tài liệu tham khảo**

1. Vũ Thị Minh Ngọc, 2014, *Định hướng chính sách khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư vào ASEAN đến năm 2020*, đề tài NCKH cấp cơ sở Trường ĐH KTQD.
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Luật Đầu tư sửa đổi 2014
3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Báo cáo về đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài, 2013